TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 101/2023/DS-ST Ngày: 09-6-2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: số 14/9 khóm Tr, phường Mỹ Th, thành phố X, tỉnh An Giang

Tạm trú: K23 đường Trần Quang K, khu dân cư Đ, phường Mỹ Th, thành phố X, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962

Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1963

Cư trú: số 1/23, khóm A, phường Mỹ Th, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, bà H và bà H1 có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, bà Lê Thị Lệ H trình bày:

Do chỗ bạn bè nên bà Huỳnh Thị H có hỏi vay bà Lê Thị Lệ H 30.000.000 đồng để nuôi mẹ bệnh trong bệnh viện, vì vậy bà H đồng ý cho bà H1 và ông V vay. Do bà H1 không biết chữ nên có gạch chéo trong Giấy mượn nợ ngày 31 tháng 7 năm 2022 (tức ngày 03 tháng 7 năm 2022 âm lịch), có bà Bùi Thị Thanh Hồng làm chứng. Việc vay mượn này ông Nguyễn Văn V cũng biết do bà H có nói lại và ông V cũng đồng ý nên bà H mới cho vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng đối với số tiền vay trên, thời hạn vay là 03 tháng. Ông V, bà H1 nói khi nào đến hạn trả tiền gốc sẽ trả luôn tiền lãi của 03 tháng.

Nhưng khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông V, bà H1 không thực hiện trả tiền gốc và lãi. Bà H đã nhiều lần liên lạc mà ông V, bà H1 cứ trốn tránh không trả nợ. Bà H phải làm đơn gửi đến khóm A, phường Mỹ Th nhờ giải quyết. Đến ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở khóm A, ông V xác nhận có vay tiền của bà H như nêu trên nhưng yêu cầu không tính lãi và yêu cầu trả mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý. Vì vậy, bà H đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu ông V, bà H1 trả cho bà H 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 31 tháng 7 năm 2022 cho đến ngày xét xử.

Đến khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà H1 có tham gia hòa giải và trình bày là trong 30.000.000 đồng bà H cho vay thì có 25.000.000 đồng là bà H1, ông V vay của bà H, còn 5.000.000 đồng là của bà Ph (cháu của bà H1, ông V) vay, do bà H1 nhận tiền về đưa lại bà Ph. Lúc này bà H mới hay sự việc và có hỏi bà Ph thì bà Ph có đến gặp bà H xin trả nợ dần hằng tuần đối với số tiền 5.000.000 đồng, đến nay thì bà Ph cũng đã trả gần xong. Còn ông V, bà H1 từ ngày vay tiền bà H đến nay chưa hề trả được một đồng tiền nào, không hề có chuyện trả tiền góp như bà H1 trình bày.

Vì vậy, nay bà H xác định yêu cầu khởi kiện của bà H như sau:

- Yêu cầu ông V, bà H1 phải liên đới nghĩa vụ trả cho bà H 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2022 cho đến khi xét xử xong. bà H thay đổi yêu cầu tính lãi như thế này là để tạo điều kiện cho ông V, bà H1 trả nợ bà H.

- Bà H tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện ông V, bà H1 trả 5.000.000 đồng, vì số tiền này do bà Ph vay và bà H không có tranh chấp với bà Ph.

Hiện nay bà Bùi Thị Thanh H2 (người làm chứng ký trên Giấy mượn nợ) đã

bán nhà bỏ đi, bà H không liên lạc được, bà H cũng không biết bà H2 hiện sống ở đâu, số điện thoại liên lạc là gì.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà H1 thừa nhận có vay tiền của bà Lê Thị Lệ H, nhưng bà H1 chỉ vay có 25.000.000 đồng còn lại 5.000.000 đồng là bà H1 vay giùm đứa em bà H1 tên Phượng ở cùng xóm. Số tiền 25.000.000 đồng bà H1 vay của bà H là gồm 10.000.000 đồng vay với lãi suất 3%/tháng, mỗi ngày bà H1 đóng lãi 100.000 đồng. Còn 15.000.000 đồng vay với hình thức trả tiền góp, mỗi ngày góp bao nhiêu thì bà H1 không nhớ. Bà H1 trả tiền lãi và đóng tiền góp được 02 tháng thì mẹ bà H1 bệnh nên bà H1 không đóng nữa. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bà Ph vay là vay nhiều lần; mỗi lần vay tiền thì bà H1 là người dẫn bà Ph đến gặp bà H để nhận tiền. Bà Ph trả tiền bằng hình thức góp hằng ngày, mỗi ngày bà H1 thu tiền góp của bà Ph rồi giao lại cho bà H, đến khi mẹ bà H1 bệnh thì bà H1 kêu bà Ph tự trả tiền cho bà H. Bà H1 xin được trả bà H số tiền 25.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Bà H trình bày: yêu cầu ông V, bà H1 phải liên đới nghĩa vụ trả cho bà H 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu trả lãi nữa. Bà H tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện ông V, bà H1 trả 5.000.000 đồng vì số tiền này do bà Ph vay và bà H không có tranh chấp với bà Ph.

- Bà H1 trình bày: số tiền bà vay của bà H là 25.000.000 đồng, tiền vay này được sử dụng để trả chi phí điều trị bệnh cho mẹ bà, lo tiền ăn học cho cháu trong gia đình. Hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn, nên bà xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ vào lời trình bày, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như việc thừa nhận của bị đơn bà H1 về việc còn nợ số tiền 25.000.000 đồng của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận. Buộc bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 25.000.000 đồng. Đối với yêu cầu buộc ông V liên đới trả số tiền nêu trên thì căn cứ trình bày của bà H1, bà H,

xác định ông V biết việc bà H1 vay số tiền nêu trên, ngoài ra mục đích vay tiền là để vợ chồng nuôi mẹ bệnh. Vì vậy, có cơ sở buộc ông V có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Đề nghị áp dụng các Điều 05, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà H1 và ông V liên đới trả cho bà H 25.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của bà H đối với số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn và lãi đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H căn cứ vào các Giấy mượn nợ ngày 31 tháng 7 năm 2022 để khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V trả số tiền vay còn nợ là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với Giấy mượn nợ ngày 31 tháng 7 năm 2022 tuy không có chữ ký, dấu lăn tay của bà H1, ông V nhưng quá trình giải quyết vụ án bà H1 đều thừa nhận có vay số tiền 25.000.000 đồng từ bà H như bà H trình bày. Tại Biên bản hòa giải mâu thuẫn trong sinh hoạt ngày 24 tháng 11 năm 2022 (BL: 16), ông V thừa nhận ông là chồng bà H1, ông đồng ý trả số nợ nêu trên theo yêu cầu của bà H và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Như vậy, mặc dù người vay tiền ghi trên Giấy mượn nợ chỉ có bà H1, nhưng ông V cũng biết và thừa nhận số nợ này, đồng ý trả nợ. Mặt khác, khoản nợ này được bà H1 khai là vay nhằm trị bệnh cho mẹ, lo chi phí ăn học cho cháu trong gia đình. Vì vậy, mục đích sử dụng tiền vay từ bà H là đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên là khoản nợ chung của vợ chồng ông V, bà H1.

[3.2] Xét thấy, giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi vay tiền bà H1 và ông V không thực hiện trả nợ đúng thời hạn, theo yêu cầu của bà H là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Về việc bà H1 yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ, bà H không đồng ý. Đây là phương thức trả nợ, thi hành nghĩa vụ, nên được xem xét trong giai đoạn thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

[3.4] Đối với yêu cầu trả lãi, tại phiên tòa, bà H xác định bà tự nguyện rút lại yêu cầu về việc trả lãi, bà không yêu cầu bà H1 và ông V trả lãi đối với số tiền còn nợ nữa. Bà H cũng tự nguyện rút lại yêu cầu bà H1 và ông V trả số tiền 5.000.000 đồng vì người vay thực tế là bà Ph. Xét thấy, việc rút các yêu cầu là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này.

[3.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H: Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền vốn vay là: 25.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Bà H1 và ông V lẽ ra phải chịu án phí sơ thẩm, nhưng do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 228, 235, khoản 1 Điều 244, các Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H đối với ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H.

Ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H đối với ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H đối với ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H trả số tiền lãi theo quy định của pháp luật phát sinh trên số tiền còn nợ chưa trả từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 cho đến khi xét xử.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Lệ H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 782.000 đồng (bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001247 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang